TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGỌC HỒI** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2024/HNGĐ- ST.
Ngày: 26/7/2024.
Về tranh chấp *"Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HỒI-TỈNH KONTUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân : Ông Nguyễn Đức Xuân và bà Lê Thị Hồng.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tuyết - Thư ký Toà án nhân dân huyện Ngọc Hồi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Bà Hiêng Thị Liên- Kiểm sát viên.

Ngày 26- 7-2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 16/2024/TLST- HNGĐ ngày 19- 02- 2024, về tranh chấp *" Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn";* Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2024/QĐST-HNGĐ ngày 13- 6- 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2024/QĐST- HNGĐ ngày 02-7-2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn Ngọc Hải, xã Pờ Y, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum (Có mặt).

- Bị đơn: Chị Lường Thị Đ, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn Ngọc Hải, xã Pờ Y, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn- Anh Hoàng Văn T trình bày và yêu cầu như sau:

Anh Hoàng Văn T và chị Lường Thị Đ kết hôn với nhau vào ngày 23/3/2006. Trước khi kết hôn, cả hai tự nguyện tìm hiểu nhau, yêu thương nhau. Anh T và chị Đ đăng ký kết hôn và được UBND xã Tân Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh T chung sống cùng bố mẹ chồng ở Bắc Giang. Đến năm 2007 thì vợ chồng chuyển vào sinh sống tại thôn Ngọc Hải, xã Pờ Y, huyện Ngọc Hồi.

Sau khi kết hôn, vợ chồng anh sống hạnh phúc. Khoảng năm 2016, chị Đ đi làm công nhân, sống xa nhà, thời gian đầu vợ chồng liên lạc với nhau bình thường, vẫn quan tâm tới nhau. Khoảng bắt đầu từ năm 2019 thì chị Đ ít liên lạc về cho anh T và cũng ít khi về nhà hơn. Có lần về nhà, anh T kiểm tra điện thoại thì phát hiện chị Đ có những tin nhắn thể hiện có tình cảm với người đàn ông khác. Thời gian sau này, chị Đ ít khi nghe điện thoại của anh T, mỗi lần liên lạc với chị, anh T phải dùng số điện thoại lạ gọi thì chị Đ mới nghe máy đồng thời cũng ít về nhà hơn trước. Vì nghĩ chị Đ không còn tình cảm với anh nên năm 2023 anh T đã nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn. Sau đó anh T rút đơn về để vợ chồng có thêm thời gian, cơ hội gắn gia đình. Tuy nhiên, sau khi rút đơn, chị Đ cũng không hề thay đổi.

Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết, anh T có liên lạc với chị Đ và cũng nói về việc nộp đơn ly hôn với chị. Chị Đ không có ý kiến gì và bảo anh là trong tháng 3/2024 sẽ về giải quyết, nhưng sau đó không thấy về. Nay anh T nhận thấy không còn tình cảm với chị Đ nữa, vợ chồng không thể quay về đoàn tụ. Vì thế, anh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Đ để tìm cho mình cuộc sống mới phù hợp.

Về con chung: Anh T và chị Đô có 02 con chung là cháu Hoàng Quang B, sinh ngày 03/12/2006 và Hoàng Trí D, sinh ngày 13/01/2013. Kể từ khi vợ chồng sống ly thân, các con ở cùng anh T. Nguyện vọng anh T muốn được tiếp tục nuôi dưỡng các con mà không yêu cầu chị Đ phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Hoàng Văn T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn, nuôi con chung. Về tài sản chung anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về phía bị đơn là chị Lường Thị Đ*: Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng chị Đ đều vắng mặt không có lý do, không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình cho Tòa án và cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ gì hay yêu cầu Tòa án tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ. Vì thế, Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của chị Lường Thị Đ.

Tại biên bản xác minh ngày 03/5/2024, chị Lường Thị Đ em gái ruột của chị Lường Thị Đ, sinh sống cùng thôn với chị Đ trình bày: Chị và bố mẹ đẻ của chị được biết từ khi chị Đ đi làm ăn xa đã quen và có tình cảm người đàn ông khác. Khi biết chuyện, gia đình khuyên nhủ nhiều lần nhưng chị Đ không từ bỏ mối quan hệ đó. Việc này đã xảy ra từ cách đây khoảng 6-7 năm. Nay anh T nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị Đ, gia đình chị không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hồi phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của

nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định. Đối với bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Bộ luật TTDS năm 2015. Cụ thể là bị đơn không đến Tòa án làm việc cũng không có mặt tại phiên tòa.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 19; Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội và mục A phần II Danh mục mức án phí, lệ phí Toà án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện theo đơn khởi kiện của anh Hoàng Văn T.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Hoàng Văn T và chị Lường Thị Đ được ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung là Hoàng Quang B, sinh ngày 03/12/2006 và Hoàng Trí D, sinh ngày 13/01/2013 cho anh Hoàng Văn T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi hai con chung đủ 18 tuổi và tự lập được. Chị Lường Thị Đ không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Chị Lường Thị Đ có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung: Anh Hoàng Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí: Anh Hoàng Văn T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Hoàng Văn T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hồi giải quyết việc ly hôn, nuôi con chung với chị Lường Thị Đ. Thời điểm Tòa án thụ lý vụ án, chị Lường Thị Đ cư trú tại Thôn Ngọc Hải, xã Pờ Y, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum. Do vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum.

Bị đơn là chị Lường Thị Đ vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập đến tham gia phiên tòa lần thứ 2. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hồi tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lường Thị Đ và anh Hoàng Văn T kết hôn với nhau là hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn được UBND xã Tân Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 98/2006, ngày 23 tháng 3 năm 2006. Căn cứ khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân gia đình thì hôn nhân giữa chị Lường Thị Đ và anh Hoàng Văn T được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Theo như anh Hoàng Văn T trình bày, sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung với nhau hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do thời gian chị Đ đi làm công nhân xa nhà đã có tình cảm nam nữ với người đàn ông khác. Sau khi anh T biết được, anh và gia đình bên ngoại đã nhiều lần khuyên nhủ chị Đ chấm dứt mối quan hệ đó, quay về chung sống cùng anh và các con nhưng chị Đ không đồng ý. Lâu dần, tình cảm vợ chồng rạn nứt, cả hai ít quan tâm tới nhau, thỉnh thoảng chị Đ gọi điện về hỏi thăm các con nhưng không nói tới việc quay về đoàn tụ gia đình. Chị Lường Thị Đ là em gái của chị Đ cũng xác nhận, trong khoảng thời gian chị Đ đi làm ăn xa đã có quan hệ bất chính với người đàn ông khác như anh T trình bày là đúng sự thật.

Về phía chị Lường Thị Đ đã được Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập nhiều lần để tiến hành hòa giải nhưng chị Đ vẫn vắng mặt mà không có lý do, cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của anh T. Mặc dù trước đó anh T đã bỏ qua mọi chuyện và mong muốn chị quay về nhà sống cùng anh và các con để có thời gian chăm sóc gia đình nhưng chị Đ không quay về mà để mặc hai con chung cho anh T một mình nuôi dưỡng, cũng không chu cấp gì cho các con. Điều này chứng tỏ chị Đ không còn thương yêu anh T, không có thiện chí quay về đoàn tụ gia đình.

Như vậy, có cơ sở xác định hôn nhân giữa anh T và chị Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Hoàng Văn T đối với chị Lường Thị Đ.

2.2. Về con chung: Xét yêu cầu về việc nuôi con chung của anh Hoàng Văn T, HĐXX thấy rằng: Kể từ khi chị Đ đi làm công nhân, hai cháu cháu Hoàng Quang B và Hoàng Trí D ở nhà sống cùng anh T. Tại bản tự khai cả hai cháu B và D đều có nguyện vọng được ở cùng anh T. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của anh T, giao hai con chung nêu trên cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi và tự lập được là hoàn toàn phù hợp.

Chị Lường Thị Đ có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Quá trình Tòa án giải quyết cũng như tại phiên tòa, anh T không yêu cầu chị Đ phải cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Anh Hoàng Văn T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 19; 51; 56; 57; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội và mục A phần II Danh mục mức án phí, lệ phí Toà án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện theo đơn khởi kiện của anh Hoàng Văn Tâm.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Hoàng Văn T và chị Lường Thị Đ được ly hôn.

- Về con chung: Giao hai con chung là Hoàng Quang B, sinh ngày 03/12/2006 và Hoàng Trí D, sinh ngày 13/01/2013 cho anh Hoàng Văn T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi và tự lập được. Chị Lường Thị Đ không phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Chị Lường Thị Đ có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Anh Hoàng Văn T phải chịu 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0001968, ngày 09/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum. Anh Hoàng Văn T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 26- 7- 2024), nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Ngọc Hồi;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hồi;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân Sơn; h. Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Trần Thị Phượng